

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2_10.01.2020
(Dự thảo đăng mạng xin ý kiến)

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 81 của Luật Giáo dục.

2. Nghị định này áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập; trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập; trường mầm non, lớp mầm non độc lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp: Là các cơ sở giáo dục mầm non thuộc địa bàn cấp huyện, mà ở đó có khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định.

2. Dịch vụ tổ chức bán trú là các công việc phục vụ trực tiếp cho trẻ ăn, ngủ tại cơ sở giáo dục mầm non, bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn cho trẻ, chăm sóc trẻ trong thời gian nghỉ trưa.

3. Dịch vụ giáo dục mầm non là các công việc phục vụ trực tiếp trong thời gian chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non theo nhu cầu của phụ huynh, bao gồm: chăm sóc trẻ ngoài giờ hành chính, dịch vụ đưa đón trẻ đến trường, dịch vụ vệ sinh, bảo vệ và các dịch vụ giáo dục khác nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục Mầm non.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo

1. Trẻ em đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 10% mức lương cơ sở/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

2. Điều kiện hưởng chính sách

a) Có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hồ sơ

a) Cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nộp một trong số các loại giấy tờ sau:

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu hoặc cung cấp thông tin về số định danh cá nhân của trẻ em hoặc của cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em;
- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).

b) Cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nộp một trong số các loại giấy tờ sau:

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều này nộp bản sao và mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

4. Trình tự và thời gian thực hiện

- Tháng 8 hằng năm, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi và hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em thuộc đối tượng được hưởng chính sách nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ ăn trưa;

- Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục mầm non thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ sở giáo dục mầm non. Mỗi đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục mầm non. Riêng đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này, nộp bổ sung Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng năm học;

Cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản sao chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản sao để đưa vào hồ sơ, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định. Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ sở giáo dục mầm non gửi giấy tiếp nhận hồ sơ cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện không bảo đảm yêu cầu cơ sở giáo dục mầm non gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và lý do cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em;

- Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, cơ sở giáo dục mầm non lập danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này) kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi về phòng giáo dục và đào tạo nơi cơ sở giáo dục mầm non đặt trụ sở để tổng hợp, xem xét;

- Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, phòng giáo dục và đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này) gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt;

- Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ trình của phòng giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục mầm non; gửi sở tài chính, sở giáo dục và đào tạo tổng hợp, thẩm định;

- Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở tài chính chủ trì phối hợp với sở giáo dục và đào tạo thẩm định, tổng hợp kinh phí, lập dự toán ngân sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này); đồng thời gửi báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa, cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chi hỗ trợ. Cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm nhận đơn và gửi cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về kết quả xét duyệt (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có công bố kết quả.

5. Phương thức chi hỗ trợ ăn trưa

a) Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 2 hoặc tháng 3 hàng năm.

b) Phương thức chi hỗ trợ

Căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa của nhà trường, lãnh đạo cơ sở giáo dục mầm non thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ em để lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

- Phương thức 1: Cơ sở giáo dục mầm non giữ lại kinh phí hỗ trợ để tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ em (khuyến khích cơ sở giáo dục mầm non tổ chức nấu ăn cho trẻ em);

- Phương thức 2: Chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập: Cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí và thực hiện việc chi trả. Căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa, lãnh đạo

cơ sở giáo dục mầm non thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ để quyết định một trong hai phương thức nêu trên.

c) Đối với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí và tổ chức phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non để thực hiện việc chi trả. Căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa, lãnh đạo cơ sở giáo dục mầm non thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ để quyết định một trong hai phương thức nêu trên.

d) Trường hợp cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em chưa nhận được kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo thời hạn quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

e) Trường hợp trẻ em chuyển trường, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm trả lại hồ sơ đề nghị hỗ trợ ăn trưa cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em. Cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ em chuyển đến có trách nhiệm báo cáo phòng giáo dục và đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định chuyển kinh phí hoặc cấp bổ sung kinh phí để cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ em chuyển đến thực hiện chi trả hỗ trợ ăn trưa theo quy định điểm a khoản 5 Điều này.

g) Trường hợp trẻ em thôi học, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm thông báo phòng giáo dục và đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng thực hiện chi trả chính sách.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

1. Trẻ em là con công nhân, người lao động phổ thông làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định, đang ở cùng bố hoặc mẹ và học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, không bao gồm cơ sở giáo dục mầm non thực hiện hợp tác đầu tư với nước ngoài/ hoặc có yếu tố nước ngoài được hưởng chính sách hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền ăn trưa, tối thiểu bằng mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Hỗ trợ học phí tối thiểu bằng mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đóng trên cùng địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác định căn cứ khả năng ngân sách, xây dựng mức hỗ trợ phù hợp sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non dân lập, tư thục.

1. Giáo viên mầm non (bao gồm cả hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhóm, tổ trưởng chuyên môn) đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được Nhà nước hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn khi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Mức hỗ trợ của ngân sách thực hiện theo mức hỗ trợ đối với giáo viên công lập có cùng trình độ tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng của phòng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch và lập danh sách giáo viên đề nghị cử đi tập huấn, bồi dưỡng gửi phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện để tổng hợp dự toán, trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

3. Trường hợp phát sinh chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoài kế hoạch, cơ sở giáo dục mầm non xây dựng dự toán theo từng đợt hoặc chuyên đề bồi dưỡng gửi phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Điều 6. Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số

1. Giáo viên mầm non trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ hai độ tuổi trở lên ở các điểm lẻ hoặc trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các điểm lẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hàng tháng được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền là 450.000 đồng/tháng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng một tháng). Thời gian hưởng hỗ trợ là 9 tháng/năm (từ tháng 9 năm trước đến hết tháng 5 của năm liền kề), tiền hỗ trợ được trả cùng với việc chi trả tiền lương của tháng và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

2. Hằng năm, cùng với thời điểm lập dự toán, phân bổ, chi trả lương, hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm lập danh sách giáo viên được hưởng chính sách gửi phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện để tổng hợp dự toán, trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Điều 7. Chính sách đối với giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

1. Giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non công lập được hỗ trợ một khoản bằng tiền, tối thiểu bằng 50% mức lương cơ sở/tháng. Thời gian hỗ trợ được hưởng theo số tháng thực dạy, tối đa 9 tháng/năm học. Tiền hỗ trợ được trả cùng với việc chi trả tiền lương của tháng và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

2. Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đã được cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, không bao gồm cơ sở giáo dục mầm non thực hiện hợp tác đầu tư với nước ngoài/ hoặc có yếu tố nước ngoài được ngân sách Nhà nước hỗ trợ một khoản bằng tiền, tối thiểu bằng 50% mức lương cơ sở/tháng. Thời gian được hưởng theo tháng thực dạy, tối đa 12 tháng/năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập và giáo viên hợp đồng giảng dạy. Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định của các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách xây dựng, ban hành mức hỗ trợ sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 8. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục chăm sóc giáo dục trẻ là con công nhân làm việc tại khu công nghiệp

1. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập được ngân sách nhà nước hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng một phần hoặc toàn bộ công trình hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có cho các tổ chức, cá nhân thuê để thành lập cơ sở giáo dục mầm non tư thục phục vụ con công nhân và được miễn hoàn toàn tiền thuê đất và cơ sở vật chất trong thời

gian hoạt động để cân đối giảm học phí đối với con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách xây dựng mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Điều 9. Chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục mầm non

1. Các khoản chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hoạt động cơ sở giáo dục mầm non mà chủ đầu tư là doanh nghiệp có dự án đầu tư trong khu công nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a) Đối với giá trị tài sản cố định: Được tính vào giá trị công trình và trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng điều kiện là tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

b) Các chi phí được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí cho việc vận hành cơ sở giáo dục mầm non phục vụ con công nhân, người lao động;

- Chi hỗ trợ cho công nhân có con đang học mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn có khu công nghiệp hoặc các địa phương liền kề;

- Chi phí cho việc tài trợ, hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non tại địa bàn có khu công nghiệp hoặc các địa phương liền kề;

- Các chi phí khác theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng và các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non theo hình thức đối tác công tư theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 10. Ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn

Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách sau:

1. Được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho giáo dục mầm non nhằm bảo đảm các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mầm non bằng ngân sách Nhà nước, các chương trình, dự án.

2. Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thuê khoán tổ chức nấu ăn bán trú cho trẻ. Kinh phí tối thiểu bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 trẻ, số dư từ 15 trẻ trở lên được tính thêm một lần định mức. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.

3. Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi trả việc thuê khoán dịch vụ vệ sinh môi trường, mức thuê khoán bằng 150% mức lương cơ sở/tháng/trường.

Điều 11. Áp dụng dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước tại cơ sở giáo dục mầm non công lập ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

1. Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ tổ chức bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non để hỗ trợ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Cơ sở giáo dục mầm non áp dụng danh mục dịch vụ, đơn giá, giá dịch vụ giáo dục và đào tạo theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ điều kiện của địa phương ban hành danh mục dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định dịch vụ, giá dịch vụ để các cơ sở giáo dục mầm non công lập áp dụng sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 12. Nguồn kinh phí và quản lý kinh phí

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Ngân sách Trung ương thực hiện hỗ trợ cho các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Nghị định này thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định này theo quy định.

2. Bộ Tài chính

a) Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan chỉ đạo các địa phương lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách đối với kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này đồng thời với quy trình lập dự toán ngân sách hàng năm.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối vốn đầu tư phát triển giáo dục mầm non trong các chương trình, dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các bộ, ngành liên quan: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

5. Đề nghị Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động, thực hiện chính sách theo quy định của Nghị định này trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định của Nghị định này tại địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hàng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, các bộ ngành liên quan.
2. Xây dựng dự toán ngân sách và kế hoạch tài chính, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2020.
2. Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTG, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc